

Bản án số: 350/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22 – 12 – 2021

“V/v ly hôn giữa
Chị K và anh H”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Rỡ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

2. Ông Nguyễn Văn Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 467/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị K, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số 400, tổ 11, ấp Phú Thuận A, xã Phú Lâm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang

Bị đơn: Anh Bùi Phước H, sinh năm 1962

Nơi ĐKKHKT: Số 400, tổ 11, ấp Phú Thuận A, xã Phú Lâm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang,

Chỗ ở hiện nay: Số 269/3 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đào Thị Bích L – Văn phòng luật sư Hà Hải & Cộng sự

Địa chỉ: Số 535, đường Nguyễn Tri Phương, Phường 8, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị K trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Phước H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, không đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn vợ chồng cư cãi về việc làm ăn, sinh hoạt trong gia đình. Vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay. Chị không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Bùi Thị Mỹ N, sinh ngày 05/5/1997 (đã thành niên và có cuộc sống tự lập) và Bùi Thị Mỹ N, sinh ngày 06/7/2005, hiện nay đang sống với chị K, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: Ngày 29/11/2021 chị K và anh H đã tự thỏa thuận việc phân chia tài sản, nên chị yêu cầu Tòa án ghi nhận trong quyết định, bản án trước khi Tòa án tiến hành hòa giải. Nội dung thỏa thuận như sau: Anh Bùi Phước H và chị Dương Thị K có một căn nhà cấp 2, kết cấu cốt thép bê tông, một trệt một lầu, cất trên nền đất do nhà nước bán với hình thức trả chậm theo Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 29/8/2006 của UBND huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, căn nhà và nền nhà tọa lạc tại số 400, tổ 11, ấp Phú Thuận A, xã Phú Lâm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, hiện nay nhà và đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng.

Anh Bùi Phước H được nhận 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) từ chị Dương Thị K là phần giá trị căn nhà của hai vợ chồng trong quá trình chung sống.

Kể từ khi hai bên ký vào thỏa thuận này, chị Dương Thị K toàn quyền quản lý, sử dụng căn nhà gắn liền nền đất nêu trên và toàn bộ tài sản khác (bất động sản và động sản). Chị K chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phú Tân liên quan đến căn nhà khi Ngân hàng yêu cầu. Chị Dương Thị K có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lập thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo luật định. Từ đây về sau hai bên không còn khiếu nại hay tranh chấp gì về tài sản chung.

- Về nợ chung: Vợ chồng hiện đang nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phú Tân nhưng Ngân hàng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, khi nào Ngân hàng yêu cầu trả thì chị K có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng Chính sách như đã thỏa thuận.

* Bị đơn anh Bùi Phước H trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị K về thời gian chung sống như vợ chồng, anh chị không đăng ký kết hôn, mâu thuẫn của vợ chồng từ năm 2019 và ly thân từ 2019 đến nay. Nay chị K yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Anh đồng ý tiếp tục giao con chung tên Bùi Thị Mỹ N, sinh ngày 06/7/2005 cho chị K tiếp tục nuôi con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu N thành niên và lao động được. Thời gian cấp dưỡng sẽ thực hiện sau khi kết thúc phiên tòa.

- Về tài sản chung và nợ: Thống nhất như trình bày của chị K.

Giấy xác nhận ngày 28/10/2020 của Ủy ban nhân dân xã Phú Lâm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, không tìm thấy sổ hộ tịch và hồ sơ kết hôn giữa chị Dương Thị K với anh Bùi Phước H.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đúng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự xin vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đã có lời khai đầy đủ, việc vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự. Căn cứ khoản 1 Điều 320 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị K và anh H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, mặc dù anh chị đã đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, nay chị K yêu cầu ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội không công nhận anh chị là vợ chồng.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 15 và khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị. Chị K tiếp tục nuôi con chung Bùi Thị Mỹ N, sinh ngày 06/7/2005.

Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh Bùi Phước H

Về tài sản chung: sự thỏa thuận của đương sự hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị K và anh H

Về nợ chung: Do Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh An Giang - Phòng giao dịch huyện Phú Tân không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị K và anh H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Dương Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Bùi Phước H nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh H với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Phú Thuận A, xã Phú Lâm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Tại Công văn số 32/CV-NHCS ngày 01/6/2021 của Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh An Giang- Phòng giao dịch huyện Phú Tân xác định chị Dương Thị K còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh An Giang- Phòng giao dịch huyện Phú Tân vốn vay 9.000.000 đồng và lãi. Nhưng Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh An Giang- Phòng giao dịch huyện Phú Tân không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Tòa án không đưa Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh An Giang- Phòng giao dịch huyện Phú Tân tham gia tố tụng.

Các đương sự xin vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đào Thị Bích Liên – Văn phòng luật sư Hà Hải & Cộng sự nếu luật sư Liên vắng mặt tại phiên tòa; nguyên đơn và bị đơn đã có lời khai đầy đủ, việc vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự, căn cứ khoản 1 Điều 320 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung; xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Năm 1996 chị Dương Thị K và anh Bùi Phước H sống chung như vợ chồng, mặc dù đến nay hai bên đã đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng lý kết hôn theo luật định, nên hôn nhân của anh chị là không hợp pháp. Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội không công nhận chị Dương Thị K và anh Bùi Phước H là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Bùi Thị Mỹ N, sinh ngày 05/5/1997 (đã thành niên và có cuộc sống tự lập) và Bùi Thị Mỹ N, sinh ngày 06/7/2005. Chị K và anh H thống nhất thỏa thuận, chị K tiếp tục nuôi con chung Bùi Thị Mỹ N. Sự thỏa thuận của đương sự không trái đạo đức, không vi phạm pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này của đương sự.

Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Mỹ N mỗi tháng 1.000.000 đồng của anh Bùi Phước H. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2021 đến khi cháu N thành niên và lao động được.

Anh Bùi Phước H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Dương Thị K cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản: Ngày 29/11/2021 chị K và anh H đã tự thỏa thuận việc phân chia tài sản, nên chị yêu cầu Tòa án ghi nhận trong quyết định, bản án trước khi Tòa án tiến hành hòa giải. Anh Bùi Phước H và chị Dương Thị K có một căn nhà cấp 2, kết cấu cốt thép bê tông, một trệt một lầu, cất trên nền đất do nhà nước bán với hình thức trả chậm theo Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 29/8/2006 của UBND huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, căn nhà và nền nhà tọa lạc tại số 400, tổ 11, ấp Phú Thuận A, xã Phú Lâm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, hiện nay nhà và đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng.

Anh Bùi Phước H được nhận 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) từ chị Dương Thị K là phần giá trị căn nhà của hai vợ chồng trong quá trình chung sống.

Kể từ khi hai bên ký vào thỏa thuận này, chị Dương Thị K toàn quyền quản lý, sử dụng căn nhà gắn liền nền đất nêu trên và toàn bộ tài sản khác (bất động sản và động sản). Chị K chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phú Tân liên quan đến căn nhà khi Ngân hàng yêu cầu. Chị Dương Thị K có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lập thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo luật định. Từ đây về sau hai bên không còn khiếu nại hay tranh chấp gì về tài sản chung.

Sự thỏa thuận của đương sự không trái đạo đức, không vi phạm pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này của đương sự.

[2.4] Về nợ chung: Ngày 07/9/2006 Chị Dương Thị K có vay 9.000.000 đồng của Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện Phú Tân. Do Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh An Giang - Phòng giao dịch huyện Phú Tân không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chung trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm, căn cứ điểm a, d khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Dương Thị K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Bùi Phước H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đối với án phí dân sự sơ thẩm, do đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, quyết định trước khi Tòa án tiến hành hòa giải nên đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a, d khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị K.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Dương Thị K và anh Bùi Phước H là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Dương Thị K được nuôi con chung Bùi Thị Mỹ N, sinh ngày 06/7/2005.

Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Mỹ N mỗi tháng 1.000.000 đồng của anh Bùi Phước H. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2021 đến khi cháu Ngọc thành niên và lao động được.

Anh Bùi Phước H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Dương Thị K cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung:

Ghi nhận sự thỏa thuận ngày 29/11/2021 của chị K và anh H như sau: Anh Bùi Phước H và chị Dương Thị K có một căn nhà cấp 2, kết cấu cốt thép bê tông, một trệt một lầu, cất trên nền đất do nhà nước bán với hình thức trả chậm theo Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 29/8/2006 của UBND huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, căn nhà và nền nhà tọa lạc tại số 400, tổ 11, ấp Phú Thuận A, xã Phú Lâm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, hiện nay nhà và đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng.

Anh Bùi Phước H được nhận 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) từ chị Dương Thị K là phần giá trị căn nhà của hai vợ chồng trong quá trình chung sống.

Kể từ khi hai bên ký vào thỏa thuận này, chị Dương Thị K toàn quyền quản lý, sử dụng căn nhà gắn liền nền đất nêu trên và toàn bộ tài sản khác (bất động sản và động sản). Chị K chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phú Tân liên quan đến căn nhà khi Ngân hàng yêu cầu. Chị Dương Thị K có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lập thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo luật định. Từ đây về sau hai bên không còn khiếu nại hay tranh chấp gì về tài sản chung.

4. Về nợ chung: Ngày 07/9/2006 Chị Dương Thị K có vay 9.000.000 đồng của Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh An Giang - Phòng giao dịch huyện Phú Tân. Do Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh An Giang - Phòng giao dịch huyện Phú Tân không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chung trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí:

Chị Dương Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001704 ngày 17/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Anh Bùi Phước H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0002343 ngày 06/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, còn lại 11.700.000 đồng Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang hoàn trả cho anh Bùi Phước H.

Hoàn trả cho chị Dương Thị K 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004055 ngày 29/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

Lý Thị Rỡ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

Lý Thị Rỡ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

